

VĂN BẢN HỢP NHẤT
Số: 13/2026/VBHN-NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân Thành phố

Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, được thay thế, bãi bỏ, hết hiệu lực một phần bởi:

1. Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2021;

2. Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng của thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023;

3. Nghị quyết 25/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động hằng năm của đại diện các ban liên lạc tù chính trị thành phố Hà Nội và nội dung, mức tặng quà của thành phố tới các đối tượng nhân dịp tết nguyên đán; kỷ niệm ngày thương binh - liệt sĩ 27/7; ngày Quốc khánh 02/9; ngày Quốc tế thiếu nhi và tết trung thu, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2022.

4. Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố Hà Nội (thực hiện điểm b khoản 1 Điều 16; điểm c, d khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16), có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

5. Nghị quyết số 87/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức chi cho các kỳ thi, cuộc thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

6. Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao Hà Nội tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 7

(Từ ngày 04/12/2018 đến ngày 06/12/2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương; khen thưởng người cao tuổi;

Xét Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 14/11/2018 của UBND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Pháp chế, Ban Kinh tế và Ngân sách; Báo cáo tiếp thu số 329/BC-UBND ngày 03/12/2018 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố¹.

¹ Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thi điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP, ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thi điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 257/BC-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp."

Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý;

Xét Tờ trình số 404/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân

người có công với cách mạng của thành phố Hà Nội, Báo cáo thẩm tra số 78/BC-VHXXH ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố; Báo cáo tiếp thu giải trình số 439/BC-UBND ngày 6 tháng 12 năm 2022 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.”

Nghị quyết 25/2022/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 405/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động hằng năm của Đại diện các Ban liên lạc tù chính trị thành phố Hà Nội và nội dung, mức tặng quà của Thành phố tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán; kỷ niệm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7; ngày Quốc khánh 02/9; ngày Quốc tế thiếu nhi và ngày Tết Trung thu; báo cáo thẩm tra số 79/BC-VHXXH ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình, tiếp thu số 439/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.”

Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: số 217/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026; số 227/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026; số 245/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026; các Báo cáo thẩm tra: số 77/BC-BVHXXH ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội; số 83/BC-BPC, số 84/BC-BPC ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; các Báo cáo tiếp thu, giải trình: số 215/BC-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 và số 231/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo số 245/BC-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp thu, giải trình thảo luận tại các tổ đại biểu về nhóm nội dung lĩnh vực Pháp chế thuộc tham mưu của Sở Nội vụ trình kỳ họp thứ tư Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVII và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;”

Nghị quyết số 87/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 35/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 317/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định nội dung chi, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi có sự tham gia của học sinh quốc tế do thành phố Hà Nội đăng cai tổ chức; Báo cáo thẩm tra số 103/BC-VHXXH ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 327/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Quy định nội dung, mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã (*Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

2.² (*được bãi bỏ*).

3.³ (*hết hiệu lực*).

4.⁴ (*hết hiệu lực*).

5.⁵ (*hết hiệu lực*).

6.⁶ (*hết hiệu lực*).

7. Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ làm việc tại Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa (*Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo*).

nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và kết quả biểu quyết tại kỳ họp;”

Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15:

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

Xét Tờ trình số 288/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một số chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao Hà Nội tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; Báo cáo thẩm tra số 104/BC-BVHXH ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 324/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;”

² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

³ Khoản này hết hiệu lực theo quy định tại Nghị quyết số 87/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

⁴ Khoản này hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 25/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2022.

⁵ Khoản này hết hiệu lực theo quy định tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

⁶ Khoản này hết hiệu lực quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 25/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2022.

8.⁷ (hết hiệu lực).

Điều 2. Điều khoản thi hành⁸

⁷ Khoản này được thay thế bởi Phụ lục 04, Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2021 và hết hiệu lực theo khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2026, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

⁸ Điều 4 của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết; tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện chính sách đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định và công khai, minh bạch, tránh các tiêu cực có thể xảy ra.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Các nội dung Phụ lục 05 kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023./.”

Điều 3 Nghị quyết 25/2022/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định và công khai, minh bạch, tránh các tiêu cực có thể xảy ra.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Các nội dung Phụ lục số 04, Phụ lục số 06 kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 12 năm 2022./.”

Điều 34, Điều 35 Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Phụ lục 02 Quy định nội dung chi, mức chi và nguồn kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác của thành phố Hà Nội kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung chi, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu quy định tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, tuyên truyền, bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật;

b) Ban hành quy định hướng dẫn cụ thể các nội dung để tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp;

c) Ban hành danh mục các ngành, nghề, lĩnh vực trọng điểm; ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới (trong đó chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với các ngành, nghề trọng điểm là các chương trình đào tạo do các cơ sở giáo dục, đào tạo trong nước xây dựng; đối với các ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới là các chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài được chuyển giao thực hiện tại Việt Nam); danh mục các bài toán lớn của Thành phố;

d) Trường hợp phát sinh thủ tục hành chính, xây dựng và công bố danh mục thủ tục hành chính, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, công khai, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện;

đ) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm giải trình khi thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp trong công tác tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./."

Điều 2 Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2021 quy định như sau:

"Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này thực hiện đến khi có các quy định mới về chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp thành phố Hà Nội tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 02/10/2021 và thay thế Phụ lục 08 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố./."

Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 87/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026./."

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.
4. Các Quyết định của UBND Thành phố gồm: số 18/2012/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công

Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch; thực hiện sơ kết, tổng kết việc thi hành Nghị quyết theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích cao trong các giải thi đấu quốc tế, khu vực, quốc gia của thành phố Hà Nội;

b) Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

c) Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của thành phố Hà Nội;

d) Mục 2.1 khoản 2 phần III Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung, mức chi tập huấn, thi đấu và thuê chuyên gia huấn luyện các đội tuyển thể thao Hà Nội.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với chế độ, chính sách, nhiệm vụ tập huấn, thi đấu, hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí và chế độ tiền thưởng đã phát sinh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đang áp dụng tại thời điểm phát sinh.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2026./.”

tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên của thành phố Hà Nội; số 1537/QĐ-UBND ngày 01/04/2011 về việc phê duyệt mức hỗ trợ hoạt động hàng năm của các Ban liên lạc tù chính trị trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 10/2014/QĐ-UBND ngày 18/2/2014 quy định chế độ phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi y tế đối với cán bộ, viên chức làm việc tại Chi cục Phòng chống tệ nạn Xã hội; cán bộ, viên chức làm việc tại Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm bệnh viện Đống Đa; số 49/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao; số 2198/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 về kinh phí, mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi hàng năm hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

5. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 05/12/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019./.

PHỤ LỤC 01

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUỘC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT
NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI, BAN TƯ VẤN THUỘC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ
QUỐC VIỆT NAM QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã.

Các khoản chi khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 35/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã.

3. Mức chi cụ thể bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (đồng)		
			Cấp Thành phố	Quận, huyện, thị xã	
1	Chi hỗ trợ hoạt động hàng tháng cho lãnh đạo Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban Tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã là đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước				
a	<i>Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội</i>				
	- Chủ nhiệm	Hệ số	1,0 lần mức lương		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (đồng)		
			Cấp Thành phố	Quận, huyện, thị xã	
			cơ sở		
	- Phó chủ nhiệm	Hệ số	0,8 lần mức lương cơ sở		
b	<i>Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã</i>				
	- Trưởng ban	Hệ số		0,18 lần mức lương cơ sở	
	- Phó Trưởng ban	Hệ số		0,12 lần mức lương cơ sở	
2	Mức chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản				
	- Chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản	Văn bản hoặc báo cáo	500.000	300.000	

4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, huyện, thị xã do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và quận, huyện, thị xã theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành/.

PHỤ LỤC 02⁹

PHỤ LỤC 03¹⁰

PHỤ LỤC 04¹¹

PHỤ LỤC 05¹²

PHỤ LỤC 06¹³

⁹ Phụ lục này được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 57/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁰ Phụ lục này hết hiệu lực bởi Nghị quyết số 87/2026/NQ-HĐND ngày 15/7/2026, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

¹¹ Phụ lục này hết hiệu lực bởi Nghị quyết 25/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2022.

¹² Phụ lục này hết hiệu lực bởi Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

¹³ Phụ lục này hết hiệu lực bởi Phụ lục 04 - Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2021.

PHỤ LỤC 07**QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC,
LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP LÀM
VIỆC TẠI CHI CỤC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI, BỆNH VIỆN 09
VÀ KHOA TRUYỀN NHIỄM BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG ĐA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để chi trả hỗ trợ cho công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

- Công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Bệnh viện 09 và Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa.

3. Mức hỗ trợ kinh phí

a) Mức hỗ trợ đối với công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội: bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Mức hỗ trợ đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Bệnh viện 09 và Khoa Truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa Đống Đa: bằng 1,25 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

4. Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách Thành phố.

PHỤ LỤC 08¹⁴**Nơi nhận:** 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: VH, TT và DL, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN TPHN;
- Các Ban Đảng của Thành ủy, Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2026
CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

¹⁴ Phụ lục này được thay thế bởi Phụ lục 04 - Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2021 và hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 82/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.